

Số: 453./QĐ-LTT-TTĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Công nhận hoàn thành khóa học cho học viên các lớp ngắn hạn
Đợt 2 năm 2018**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 14/2007/QĐ-BLĐTBXH ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy chế thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp trong dạy nghề;

Căn cứ kết quả thi cuối khóa của học viên ngắn hạn;

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo Lý Tự Trọng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 206 học viên các lớp ngắn hạn đã hoàn thành khóa học và được cấp Chứng chỉ đào tạo đợt 2 năm 2018. Trong đó:

1. Tin học Ứng dụng CB: 206 học viên (có danh sách đính kèm)

Điều 2. Các học viên trên được cấp Chứng chỉ đào tạo theo quy định hiện hành.

Điều 3. Các đơn vị có liên quan và các học viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, TTĐT.

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc

DANH SÁCH HỌC VIÊN ĐƯỢC CẤP CHỨNG CHỈ TIN HỌC ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

Đợt 1 năm 2018

(Kèm theo Quyết định số 4.53.../QĐ-LTT-TTĐT ngày 10. tháng 5... năm 2018
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
1	14000812	Nguyễn Văn An	10/10/1996	nam	7.0	8.5	7.8	Khá
2	15002712	Trần Kim Anh	02/06/1997	nam	7.5	8.0	7.8	Khá
3	15002511	Nguyễn Ngọc Lan Anh	23/07/1997	nam	9.5	5.0	7.3	Trung bình
4	15001286	Phan Thị Kiều Anh	02/04/1991	nữ	7.0	6.0	6.5	Trung bình
5	15000539	Hồ Trần Anh	02/07/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
6	17001272	Nguyễn Quốc Anh	09/03/1999	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
7	15000999	Trần Thị Ngọc Ánh	12/07/1997	nữ	7.5	6.5	7.0	Khá
8	15001326	Võ Quang Bắc	01/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
9	15000863	Nguyễn Quốc Bảo	20/01/1997	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
10	15002320	Đoàn Duy Bảo	26/02/1997	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
11	15000391	Phan Gia Bảo	16/10/1992	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
12	15000232	Đỗ Huỳnh Thiên Bảo	28/11/2000	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình
13	15002353	Đặng Minh Cang	20/11/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
14	15000503	Nguyễn Hữu Cảnh	16/05/1997	nam	6.0	5.5	5.8	Trung bình
15	15000954	Ngô Nguyễn Hữu Chánh	29/03/1996	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
16	15001138	Phạm Cao Chánh	20/02/1995	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
17	15002936	Lê Thị Ngọc Châu	16/11/1997	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
18	15002735	Phạm Văn Chi	08/08/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
19	14000592	Trần Quang Cường	31/12/1996	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
20	15002500	Phạm Văn Cường	13/01/1996	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
21	14000926	Lê Văn Cường	29/02/1996	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
22	15000936	Trần Tuấn Cường	29/01/2018	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
23	15002052	Lê Huy Cường	12/09/1997	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
24	15003141	Trần Đăng Cường	04/10/1997	nam	7.0	7.0	7.0	Khá
25	15003078	Văn Tuấn Cường	13/01/1997	nam	6.0	7.0	6.5	Trung bình
26	15000044	Nguyễn Minh Cường	19/07/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
27	15001511	Trần Trí Đăng	20/03/1991	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
28	15000167	Nguyễn Công Danh	13/02/2000	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
29	15002291	Kiều Tấn Dành	26/06/1996	nam	7.0	6.5	6.8	Trung bình
30	15001956	Lê Trọng Đạt	21/04/1997	nam	7.5	10.0	8.8	Giỏi
31	15001928	Đỗ Thành Đạt	09/04/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
32	15002553	Trần Châu Đạt	20/05/1997	nam	7.0	8.5	7.8	Khá
33	15000874	Lê Phát Đạt	09/01/1996	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
34	15002407	Đỗ Thành Đạt	15/08/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
35	15000528	Nguyễn Hữu Đạt	30/04/1997	nam	4.5	5.5	5.0	Trung bình
36	13D2050034	Trần Quốc Đạt	15/09/1995	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
37	15003083	Phan Ngọc Diễm	18/06/1997	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
38	15002021	Trương Nguyễn Ngọc Đoan	15/04/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
39	15003165	Lưu Công Đoan	20/08/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
40	14000490	Lê Khắc Dũng	10/05/1996	nam	4.0	6.0	5.0	Trung bình
41	15001509	Huỳnh Trần Được	05/01/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
42	16002389	Nguyễn Quốc Dương	01/01/1997	nam	4.5	5.5	5.0	Trung bình
43	15000705	Phan Tiến Dương	08/04/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
44	15000806	Lâm Thái Dương	26/08/1997	nam	8.0	9.0	8.5	Giỏi
45	15000880	Lê Anh Duy	01/04/1997	nam	7.0	5.5	6.3	Trung bình
46	15000619	Lê Hữu Duy	14/01/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
47	13D2050267	Nguyễn Thái Duy	20/08/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
48	15001058	Nguyễn Thanh Duy	07/04/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
49	16002957	Bùi Hoàng Duy	09/03/1998	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
50	15001667	Lê Minh Hải	29/12/1996	nam	6.5	8.0	7.3	Khá
51	15000191	Phạm Văn Hải	02/01/1993	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
52	16001531	Lê Minh Hậu	25/10/1998	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình
53	14000684	Trương Văn Hiền	10/06/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
54	15003208	Nguyễn Hồng Hiệp	14/01/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
55	15001438	Huỳnh Minh Hiếu	19/09/1997	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
56	15001018	Trương Minh Hiếu	18/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
57	16001691	Trương Thiện Hiếu	01/05/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
58	15000873	Lê Trọng Hiếu	07/07/1997	nam	7.5	5.0	6.3	Trung bình
59	15002131	Trương Huy Hoàng	12/08/1997	nam	9.5	8.0	8.8	Giỏi
60	15003065	Lý Hoàng Huy	03/12/1997	nam	8.0	5.0	6.5	Trung bình
61	15000617	Nguyễn Ngọc Quang Huy	23/05/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
62	15001309	Võ Quốc Huy	05/12/2000	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
63	14000646	Đỗ Ngọc Huy	04/03/1996	nam	8.0	8.0	8.0	Giỏi
64	15001823	Đinh Tấn Huy	20/08/1997	nam	6.0	8.0	7.0	Khá
65	16003935	Trần Kim Huy	25/11/1991	nam	9.0	7.5	8.3	Giỏi
66	15002620	Trần Quốc Huy	17/01/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
67	16002638	Nguyễn Thị Ngọc Huyền	15/09/1998	nữ	6.0	5.0	5.5	Trung bình
68	16002556	Phan Thị Kim Huỳnh	01/04/1998	nữ	6.5	5.0	5.8	Trung bình
69	14001056	Dương Minh Kha	05/12/1996	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
70	15000729	Huỳnh Trung Khang	24/12/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
71	15002561	Võ Việt Khang	24/10/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
72	17002090	Lê Minh Khang	31/12/1999	nam	7.0	6.5	6.8	Trung bình
73	15002174	Nguyễn Thành Khang	26/12/1995	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
74	15001239	Phạm Ngọc Khanh	19/06/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
75	15001191	Thới Phúc Khanh	08/02/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
76	14001057	Nguyễn Hoàng Phi Khanh	16/12/1996	nam	7.5	6.5	7.0	Khá
77	15003153	Hoàng Văn Khiêm	13/11/1997	nam	6.5	6.0	6.3	Trung bình
78	15002527	Phạm Lê Khiết	29/12/1997	nam	7.5	7.0	7.3	Khá
79	15003515	Nguyễn Chánh Khoa	23/09/1989	nam	5.5	5.0	5.3	Trung bình
80	15002765	Trương Minh Khương	29/12/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
81	14000391	Trần Trung Kiên	20/10/1996	nam	5.5	7.5	6.5	Trung bình
82	15001124	Trần Anh Kiệt	05/05/1997	nam	5.0	5.5	5.3	Trung bình
83	15002288	Mai Hoàng Xuân Lâm	11/02/1996	nam	7.0	8.5	7.8	Khá
84	15002520	Huỳnh Gia Lập	10/10/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
85	15002502	Trần Hoàng Liêm	31/08/1995	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
86	15001571	Đào Minh Liêm	20/11/1997	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
87	16003406	Đoàn Thị Thùy Linh	20/02/1998	nữ	7.5	7.5	7.5	Khá
88	16002263	Trần Thị Mỹ Linh	28/10/1997	nữ	5.0	5.0	5.0	Trung bình
89	15000570	Phạm Nguyễn Hoài Linh	27/03/1997	nam	7.5	5.5	6.5	Trung bình
90	15002264	Lê Tuấn Linh	26/11/1997	nam	6.0	5.5	5.8	Trung bình
91	15003297	Trần Văn Lộc	01/02/1997	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình
92	15002278	Diệp Tấn Lộc	27/10/1994	nam	9.5	7.0	8.3	Giỏi
93	14000602	Lâm Văn Lộc	06/09/1996	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
94	15001383	Phan Tấn Lợi	05/09/1997	nam	5.5	4.5	5.0	Trung bình
95	15000809	Nguyễn Hữu Lợi	03/06/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
96	16002032	Lê Truyền Long	18/07/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
97	15001080	Mai Ngọc Long	12/04/1997	nam	8.0	5.5	6.8	Trung bình
98	15001593	Võ Huỳnh Long	22/12/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
99	15001004	Nguyễn Thành Luân	26/09/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
100	15002582	Biện Quang Lực	01/01/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
101	15003267	Lý Huỳnh Chí Lương	25/01/1996	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
102	17000755	Lê Thiết Minh	25/01/1993	nam	5.5	9.5	7.5	Trung bình
103	16001012	Nguyễn Nhựt Nam	19/09/1998	nam	8.5	6.0	7.3	Khá
104	16001552	Diệp Thanh Nam	03/03/1998	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
105	15001859	Nguyễn Văn	Nam	14/06/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
106	14000695	Bành Đại	Nghĩa	23/10/1992	nam	7.5	7.0	7.3	Khá
107	15000557	Nguyễn Trung	Nghĩa	01/11/1997	nam	7.5	6.0	6.8	Trung bình
108	15002039	Cao Hà Xuân	Ngọc	15/11/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
109	15002467	Trần Chí	Nguyên	05/01/1997	nam	7.0	7.5	7.3	Khá
110	15001430	Nguyễn Tấn	Nhị	25/3/1997	nam	7.0	6.5	6.8	Trung bình
111	15002558	Trần Minh	Nhật	02/06/1997	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình
112	15001695	Lưu Minh	Nhật	26/10/1996	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
113	15002884	Thạch Thị Chane	Ni	04/05/1995	nữ	6.5	3.5	5.0	Trung bình
114	15001533	Trần Thế	Phát	01/12/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
115	15001474	Vũ Thanh	Phát	08/06/1996	nam	5.0	6.0	5.5	Trung bình
116	14000663	Trương Mạnh	Phi	05/09/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
117	15000445	Trịnh Thanh	Phong	20/09/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
118	16002657	Phạm Thanh	Phong	23/07/1997	nam	6.5	5.5	6.0	Trung bình
119	15001079	Mai Chấn	Phong	19/12/1997	nam	8.0	7.0	7.5	Khá
120	15000608	Đường Vinh	Phúc	11/12/2000	nam	8.5	5.0	6.8	Trung bình
121	16002058	Nguyễn Ngọc	Phúc	14/01/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
122	15000794	Lê Quang	Phước	13/03/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
123	14000666	Phạm Hoài	Phương	24/06/1996	nam	6.0	6.0	6.0	Trung bình
124	13D2050153	Nguyễn Vũ tiến	Phương	27/03/1995	nam	7.5	10.0	8.8	Giỏi
125	15003054	Hồ Thị	Phượng	07/02/1997	nữ	7.0	3.0	5.0	Trung bình
126	14001012	Trần Hữu	Quân	28/07/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
127	16000223	Nguyễn Vũ Trúc	Quân	17/02/2000	nam	5.5	7.0	6.3	Trung bình
128	16002905	Phạm Vinh	Quang	03/11/1997	nam	7.5	5.5	6.5	Trung bình
129	15001210	Đỗ Minh	Quý	17/03/1997	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
130	15000642	Trần Anh	Quý	27/09/1996	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
131	15003146	Nguyễn Tông	Quốc	15/06/1997	nam	7.0	4.0	5.5	Trung bình
132	15002290	Nguyễn Vũ	Quốc	29/01/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
133	15001177	Lê Nguyễn	Quyết	27/02/1997	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
134	16001543	Võ Chí	Quyết	23/10/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
135	15001792	Ngô Trọng	Quỳnh	03/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
136	15002214	Trần Tấn	Sang	14/02/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
137	14000159	Phạm Hữu	Sang	22/02/1992	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
138	15002679	Nguyễn Thanh	Sang	08/04/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
139	13D2050283	Bùi Ngọc	Son	19/09/1994	nam	4.0	6.5	5.3	Trung bình
140	15000676	Trương Ngọc	Son	02/06/1996	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
141	15001034	Nguyễn Hồng	Son	15/03/1997	nam	6.5	8.0	7.3	Khá
142	16001493	Trương Phước Hoàng	Son	21/07/1998	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
143	15000203	Nguyễn Thị Thu	Sương	31/08/2000	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
144	14001073	Hoàng Đình	Sỹ	10/09/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
145	15002394	Nguyễn Tấn	Tài	07/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
146	15002706	Phạm Chí	Tâm	19/09/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
147	15002769	Võ Thanh	Tâm	17/09/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
148	15000638	Nguyễn Cao	Tân	23/09/1997	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
149	15002457	Đào Duy	Tân	10/11/1993	nam	7.5	7.0	7.3	Khá
150	14000856	Lưu Nhật	Tân	13/06/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
151	15002759	Võ Xuân	Tha	06/07/1993	nam	7.5	7.0	7.3	Khá
152	15002666	Huỳnh Công	Thạch	13/10/1997	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
153	15002764	Đặng Minh	Thắng	10/03/1997	nam	6.0	4.5	5.3	Trung bình
154	15002665	Nguyễn Sỹ	Thắng	28/06/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
155	15000551	Nguyễn Cao	Thắng	10/01/2000	nam	5.0	5.0	5.0	Trung bình
156	15001461	Nguyễn Ngọc	Thành	30/11/1997	nam	7.0	4.5	5.8	Trung bình
157	15001095	Phạm Văn	Thành	04/10/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
158	15001827	Ngô Tuấn	Thành	04/12/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
159	15000845	Phan Trọng	Thệ	16/07/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
160	15002249	Lê Văn	Thép	12/09/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
161	15002153	Đinh Trường	Thị	28/11/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN		Ngày sinh	GIỚI TÍNH	LT	TH	TB	XẾP LOẠI
162	15002367	Lê Đức	Thiện	20/02/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
163	15003534	Phạm Xuân	Thịnh	25/09/1984	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
164	15003134	Lữ Trần	Thoại	17/01/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
165	15002118	Trần Hữu	Thời	06/10/2017	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
166	16000519	Trần Huỳnh Minh	Thư	03/05/2001	nam	5.0	6.5	5.8	Trung bình
167	15002519	Nguyễn Minh	Thuận	25/06/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
168	16003595	Lê Duy	Thung	10/03/1998	nam	7.0	3.5	5.3	Trung bình
169	15003482	Nguyễn Huy	Thước	20/02/1997	nam	8.0	7.5	7.8	Khá
170	15002503	Đào Bách	Tiền	20/01/1997	nam	6.0	8.0	7.0	Khá
171	15000668	Trần Ngọc	Tiến	28/11/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
172	15000428	Nguyễn Minh	Tiến	13/12/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
173	13D2010216	Lê Minh	Tiến	24/11/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
174	16002889	Văn Phú	Tiền	24/01/1997	nam	7.0	5.0	6.0	Trung bình
175	15002415	Phan Ngọc	Toán	02/10/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
176	15003404	Thái Văn	Toàn	02/04/1999	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
177	15001203	Trần Lê Quốc	Toán	15/12/1996	nam	6.0	8.0	7.0	Khá
178	15003430	Mạch Ngọc Minh	Trâm	21/10/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
179	15002948	Nguyễn Thị	Trang	20/03/1997	nữ	7.0	5.0	6.0	Trung bình
180	15001978	Lê Minh	Trí	25/10/1996	nam	4.0	6.0	5.0	Trung bình
181	16002004	Lê Ngọc Tâm Hải	Triều	18/12/1998	nam	6.5	6.5	6.5	Trung bình
182	15001575	Đoàn Quốc	Triệu	04/06/1997	nam	5.5	6.5	6.0	Trung bình
183	15000953	Nguyễn Thành	Trình	10/08/1995	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
184	15000988	Lữ Ngọc	Trọng	05/07/1997	nam	6.5	5.0	5.8	Trung bình
185	15003530	Vũ Minh	Trọng	16/04/1994	nam	7.5	4.0	5.8	Trung bình
186	15002658	Nguyễn Thanh	Trúc	14/05/1997	nam	6.0	4.0	5.0	Trung bình
187	15003555	Nguyễn Trung	Trực	22/09/1992	nam	4.0	9.0	6.5	Trung bình
188	15001142	Nguyễn Quốc	Trung	12/12/1997	nam	5.5	5.5	5.5	Trung bình
189	16003173	Phan Việt	Trung	02/01/1998	nam	8.0	7.0	7.5	Khá
190	15003114	Nguyễn Minh	Trung	29/07/1996	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
191	15002442	Nguyễn Văn	Trường	22/02/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
192	15001006	Nguyễn Văn	Trường	13/10/1997	nam	6.0	4.5	5.3	Trung bình
193	15002198	Đổng Quốc	Trường	17/06/1997	nam	9.0	10.0	9.5	Giỏi
194	15000948	Nguyễn Tấn	Tứ	18/08/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
195	14000480	Lê Văn	Tuấn	01/01/1996	nam	8.3	6.0	7.1	Khá
196	15002531	Nguyễn Trung	Tuấn	11/09/1997	nam	6.5	4.5	5.5	Trung bình
197	15001125	Lý Trường	Tuấn	22/01/1997	nam	8.0	3.5	5.8	Trung bình
198	15002033	Huỳnh Thanh	Tùng	22/09/1994	nam	6.0	5.0	5.5	Trung bình
199	16002462	Nguyễn Thị Cẩm	Vân	16/06/1998	nữ	6.0	4.0	5.0	Trung bình
200	15000476	Nguyễn Trọng	Ven	07/10/1994	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
201	15001727	Bùi Anh	Vinh	21/06/1997	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
202	14000585	Trương Lâm	Vĩnh	22/10/1996	nam	6.5	4.0	5.3	Trung bình
203	15001808	Nguyễn Tấn	Vũ	10/01/1996	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
204	15002601	Phan Văn	Vũ	07/04/1997	nam	7.0	3.0	5.0	Trung bình
205	15002137	Nguyễn Ngọc Thanh	Xuân	03/02/2000	nam	6.5	3.5	5.0	Trung bình
206	16002835	Nguyễn Thị Phi	Yến	29/01/1998	nữ	6.5	5.0	5.8	Trung bình

(Danh sách có 206 học viên)

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc